

Nguồn gốc xuất thân của tư sản người Việt ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc

Nguyễn Thế Hồng*

Trường Đại học Đồng Tháp

Ngày nhận bài: 10/09/2018, ngày gửi phản biên: 16/11/2018, ngày duyệt đăng: 19/12/2018

Sau Hiệp ước Giáp Tuất năm 1874, Nam Kỳ trở thành xứ thuộc địa của thực dân Pháp. Tùy theo hoàn cảnh lịch sử ở từng khu vực, quốc gia thì nguồn gốc xuất thân, địa vị chính trị - xã hội của tầng lớp tư sản sẽ khác nhau. Tuy, nguồn gốc xuất thân khác nhau nhưng thông qua những hoạt động như kinh tế, chính trị - xã hội, tầng lớp tư sản người Việt ở Nam Kỳ từng bước khẳng định vị trí, vai trò của họ đối với lịch sử.

Từ khóa: Tư sản, Nam Kỳ, nguồn gốc, người Việt, Pháp thuộc

Mở đầu

Trong bối cảnh chung khi đất nước trở thành thuộc địa của thực dân Pháp, tư sản người Việt ở Nam Kỳ có những đặc điểm như tư sản Bắc và Trung Kỳ đó là sản xuất, kinh doanh theo hướng tư bản chủ nghĩa với nhiều hình thức khác nhau, luôn ý thức vươn lên để khẳng định vị thế, vai trò trước các giai tầng khác trong xã hội đương thời. Bài viết không so sánh sự giống và khác nhau giữa tư sản người Việt ở 3 kỳ, mà hướng đến phân tích nguồn gốc xuất thân của tư sản người Việt ở Nam Kỳ thời Pháp thuộc.

1. Từ chủ xưởng

Về cơ bản, khi nền sản xuất hàng hóa tồn tại tất yếu tạo nên sự phân hóa trong sản xuất. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đặt ra yêu cầu sản xuất hàng hóa cho thị trường trong và ngoài nước ngày càng nhiều, vì thế quá trình phân hóa trong sản xuất có từ thời phong kiến không phù hợp nữa. Để nền sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời phải có những điều kiện cơ bản, đó là sản xuất hàng hóa giản đơn và

* reaganusa1986@gmail.com

sự trao đổi trên thị trường phải đạt đến mức độ làm cho tiền bạc tập trung vào tay một số ít người, đồng thời xã hội ở thành thị và nông thôn phân hóa để tạo nên tầng lớp bán sức lao động làm thuê. Với quan điểm bảo vệ quyền lợi tối đa cho tư sản Pháp tại thuộc địa nên tư sản người Việt không có hình thức tích lũy tư bản nguyên thủy đầu tiên một cách đầy đủ và hoàn thiện như tư sản nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, về cơ bản kinh tế Nam Kỳ trước và rõ hơn là trong khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã tạo điều kiện nhất định để một bộ phận làm ăn theo hình thức tư nhân tích lũy tư bản để sau này trở thành những chủ xưởng, xí nghiệp sở hữu vốn và lực lượng lao động làm thuê nhất định. Ở Nam Kỳ, tầng lớp chủ xưởng xuất hiện khá đông trên nhiều lĩnh vực từ khai thác công nghiệp đến tiểu thủ công nghiệp như xây xát lúa gạo có Trương Thanh - bến Bình Đông, Sài Gòn; Trần Văn Ngữ, Quách Hải; Lâm Sĩ; Giang Nguyên - bến Mỹ Tho; Trương Văn Bền - bến Rạch Cát; Vương Thủy Nhiên - Sóc Trăng; Trần Trình Trạch - Bạc Liêu; Phan Quang Phương; Nguyễn Đăng Tài - Cần Thơ; Nguyễn Thanh Liêm - Mỹ Tho; Huỳnh Thị Huệ - Gò Công; Trần Văn Tú - Vĩnh Long; Long Xuyên

có 19 nhà máy của người Việt¹; nhà máy điện có công ty vô danh điện Rạch Giá của Cao Thiện Toàn, Nguyễn Chánh Ngôn, Bùi Văn Mậu, Tôn Quang Ngọc (năm 1921)²; nhà máy thủy tinh của Lương Vinh, Châu Hưng ở Chợ Lớn; nhà máy xà bông của Trương Văn Bền Chợ Lớn; Ngô Hân, Huỳnh Tinh Triệu; xưởng dệt và nhuộm của công ty Vô danh Sợi và Dệt cơ giới (năm 1915)³; nhà máy sản xuất và tinh luyện dầu của Trương Văn Bền (năm 1905).

2. Thương nhân

Ở Việt Nam, lớp thương nhân đầu tiên “xuất hiện khi có yếu tố ngoại cảnh mà cụ thể là sự xuất hiện của tư tưởng phương Tây, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa theo chân Pháp đến Việt Nam, tạo nên sự xáo trộn dữ dội trong lòng xã hội. Những yếu tố sản xuất tư bản đã tác động đến tư tưởng người Việt Nam, trong đó tư tưởng về kinh doanh thực nghiệp đã làm thức tỉnh các nhà trí thức, những người Việt nhạy bén và kiên cường và sau đó lan tỏa trong các thành phần trong xã hội”⁴. Theo lý luận của chủ nghĩa Mác, trong nền sản xuất hàng hóa giản đơn, sự tác động tự phát của quy luật giá trị sẽ làm phân hóa những người sản xuất hàng hóa theo hai dạng. *Thứ nhất*, một số người phát tài giàu lên nhanh chóng, họ đầu tư mở rộng sản xuất, thuê mướn nhân công và trở thành ông chủ tư bản. *Thứ hai*, những người bị vỡ nợ, phá sản phải trở thành lao động làm thuê. Trong dạng thứ nhất, ngoài những ông chủ còn có lực lượng đứng ra kết nối giữa sản xuất với thị trường đó chính là thương nhân. Sự phân hóa xã hội Nam Kỳ diễn ra sâu sắc, tầng lớp lao động làm thuê có nguồn gốc chính từ nông dân, họ chịu hai tầng áp bức là địa chủ và thực dân, khi tư liệu sản xuất bị tước đoạt họ phải tha

phương tìm việc làm, trở thành công nhân. Chính sách kinh tế của chủ nghĩa thực dân tạo ra sự tác động hai mặt là kim hãm quá trình ra đời và phát triển của nền kinh tế tư bản và; kích thích các quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sự xuất hiện những yếu tố của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thúc đẩy nền kinh tế Nam Kỳ có những chuyển biến tích cực. Ngoài chế độ sở hữu ruộng đất và bóc lột địa tô, tàn dư của quan hệ sản xuất phong kiến, xuất hiện các mối quan hệ sản xuất tiền tư bản chủ nghĩa, với lực lượng sản xuất mới ở trình độ thủ công, bên cạnh là sự xuất hiện của các nhà máy, xí nghiệp, công ty cổ phần. Điều này, tạo ra cơ sở vật chất quan trọng cho sự xuất hiện những phương thức kinh doanh mới, đánh dấu sự ra đời của các công ty, nhà máy, xí nghiệp, hiệu buôn do các tư sản người Việt thành lập. Ở Nam Kỳ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa có điều kiện phát triển mạnh mẽ và tầng lớp thương nhân ra đời, hoạt động đa dạng nhiều ngành nghề và xuất thân cũng khác nhau. *Thứ nhất*, thương nhân là những nhà Tây học trực tiếp đứng ra kinh doanh như Trần Chánh Chiêu, Nguyễn Thị Xuyên, Nguyễn An Khương. *Thứ hai*, thương nhân xuất thân từ những người sản xuất nhỏ. Nền sản xuất tiểu thủ công nghiệp truyền thống buộc phải thay đổi khi công nghệ, máy móc của phương Tây du nhập vào, một nền công nghiệp nhỏ, non yếu được hình thành ngoài mong muốn của chủ nghĩa thực dân. Thành phần thương nhân dân tộc xuất thân từ nền sản xuất nhỏ bị sự cạnh tranh, chèn ép bởi tư bản Pháp, Hoa kiều nhưng họ có một vai trò lịch sử nhất định trong phong trào đấu tranh đòi quyền lợi cho dân tộc trên lĩnh vực kinh tế lẫn chính trị. Tiêu biểu ở Nam Kỳ có nhiều doanh nhân mua các công cụ sản xuất của Pháp, thành lập các xí nghiệp như nhà

¹ Nguyễn Đình Tư (2016), tr.282.

² Nguyễn Đình Tư (2016), tr.204.

³ Nguyễn Đình Tư (2016), tr.212.

⁴ Nguyễn Thị Ánh (2017), tr.58.

máy in của Nguyễn Văn Viết ở Sài Gòn, xưởng sửa chữa ô tô Lê Phát Tân, xưởng sơn tơ Đồng Lợi 1912, nhà máy xay gạo ở An Hóa (Mỹ Tho) của Nguyễn Thanh Liêm, hãng xe cao su của Nguyễn Hữu Thu. Thứ ba, xuất thân từ đại điền chủ, một số địa chủ đã tận dụng chính sách ruộng đất và chính sách xuất khẩu nông sản của Pháp, ngày càng mở rộng đất đai, thành lập hãng buôn bán lúa gạo, thu lợi nhuận ngày càng lớn. Song song là cho thuê ruộng đất phát canh thu tô, với số vốn trong tay, những địa chủ này đã thuê nhân công mở xưởng cưa, lò gạch, chế biến nông sản. Đại điền chủ ở Nam Kỳ được xem như thương nhân có Trần Trinh Trạch ở Bạc Liêu, Huỳnh Thiện Lộc ở Rạch Giá, Nguyễn Hữu Nghĩa ở Long Xuyên.

3. Thầu khoán

Để tiến hành khai thác thuộc địa, thực dân Pháp phải tiến hành đầu tư thiết bị, cơ sở hạ tầng, công nghệ, bên cạnh đó là thúc đẩy tăng cường nhập cảng hàng ngoại hóa, xuất cảng nông phẩm và hàng thủ công. Nhằm phục vụ cho công cuộc cai trị, bóc lột và kinh doanh, tư bản Pháp cần một lớp người trung gian làm đại lý từ việc tiêu thụ hàng ngoại hóa đến thu mua nông phẩm, sản phẩm thủ công và làm thầu khoán cho việc vận chuyển thiết bị, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật. Từ những công trình xây dựng của tư bản Pháp, tạo ra những chủ bao thầu, nhận khoán người Việt. Khi mới ra đời họ phụ thuộc vào tư bản Pháp, về sau họ bỏ vốn lập ra những công ty nhỏ cung cấp thiết bị cho thực dân Pháp tại thị trường thuộc địa. Từ việc làm thầu khoán cho thực dân Pháp, họ đã giàu lên nhanh chóng, tích lũy được một số tiền và để kiếm được nhiều lợi nhuận hơn, họ chuyển sang kinh doanh công - thương nghiệp. Ở Nam

Kỳ, nhiều nhà tư sản người Việt xuất thân là thầu khoán như công ty Lê Thành Võ (năm 1927) ở Sài Gòn chuyên thầu về cầu đường “vốn lúc đầu là 60.000 đồng chia làm 60 cổ phần. Những người bỏ vốn gồm: Lê Quang Liêm (nghiệp chủ ở Rạch Giá góp 36.000 đồng), Võ Đình Thủy (công chức Đà Lạt - 5.000 đồng)”⁵.

4. Sĩ phu yêu nước tiến bộ và quan lại

Các phong trào yêu nước không đơn thuần là vũ trang chống thực dân và tay sai, mà yêu nước cần làm cho đất nước cường thịnh, để có sự cường thịnh thì trước hết phải “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”⁶. Phong trào Duy Tân nhằm chấn hưng nước nhà được khởi xướng bởi các sĩ phu tiến bộ, kêu gọi người Việt tiếp cận với nền học vấn phương Tây trong khoa học kỹ thuật, hăng hái tham gia vào những hoạt động kinh doanh nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế của đất nước. Phong trào đầu thế kỷ XX nổi bật là sự tôn vinh thương nghiệp. Đề tạo niềm tin cho xã hội, các nhà Duy Tân đi đầu trong các hoạt động phong trào. Trên lĩnh vực kinh tế, họ tham gia kinh doanh đa dạng, từ rất nhiều lĩnh vực thương mại, sản xuất thủ công nghiệp đến giao thông vận tải. Họ nhanh nhạy, nắm bắt kỹ thuật, sử dụng và cải tạo công cụ lao động mới trong sản xuất. Sự đầu tư công nghệ mới, tập trung thuê nhân công sản xuất hàng hóa, nâng cao kỹ thuật của thợ thủ công, nhanh chóng thích ứng với phương pháp của phương Tây đã phần nào đáp ứng được với thị trường trong và ngoài nước. Phong trào Minh Tân ở Nam Kỳ với nhiều đại diện tiêu biểu như Nguyễn An Khương, Nguyễn Quang Diêu, Nguyễn Thân Hiến.

⁵ Nguyễn Công Bình (1959), tr.103.

⁶ Trần Mai Ước (2013), tr.112.

5. Chủ đồn điền

Năm 1894, trong Thông tư gửi Toàn quyền các thuộc địa, Bộ trưởng Bộ thuộc địa Deleasse chỉ rõ “*khai thác những vùng lãnh thổ rộng lớn mà chúng ta đã chiếm được thiết lập ở đó các đồn điền, phát triển sức sản xuất của thuộc địa và bằng chính con đường đó phát triển mối quan hệ về thương mại với chính quốc*”⁷. Nam Kỳ là vùng đất màu mỡ được thiên nhiên ưu đãi nên thực dân triệt để khai thác và để kế hoạch khai thác thuận lợi thì việc đầu tiên là chiếm đoạt đất đai. “*Đến năm 1912 số ruộng đất bị Pháp chiếm để lập đồn điền lên đến 470.000 ha trong đó Nam Kỳ bị chiếm 308.000 ha*”⁸. Năm 1897, Toàn quyền Paul Doumer cho thành lập hai trung tâm nghiên cứu thí nghiệm ương giống cây cao su từ hạt tươi. Trạm thực nghiệm Ông Yêm (Bến Cát - Thủ Dầu Một) và ở Suối Dầu (thuộc viện Pasteur Nha Trang). Sau khi thử nghiệm thành công, nhiều công ty cao su tại Nam Kỳ thành lập. Tất yếu, chủ các công ty và đồn điền lớn đa phần là tư bản Pháp. Những người sở hữu dưới 100 ha đất trồng cao su gọi là tiểu điền. Loại có diện tích từ 100 - 499 ha gọi là trung điền, loại sở hữu này có sự tham gia của viên chức người Việt có quyền thế hoặc thuộc những người thân Pháp có thế lực. Như năm 1910, khi đồn điền cao su tại tỉnh Bà Rịa được thành lập, người Việt đã tham gia sở hữu diện tích gồm có “*Lê Thành Long ở Đình Ba và Lê Văn (...), của Đồng Ngọc Khai ở Bình Ba (...), của Vương Quang Tôn ở La Văn, Bình Ba và Ngãi Giao (...), của Lý Bá Dung ở Long Phước (...), của Nguyễn Văn Của ở Bình Ba và Ngãi Giao (...)*”. Tỉnh Gia Định “*tính đến năm 1916 có 49 đồn điền, chiếm một diện tích chung là 3.240 ha. Trong 49 đồn điền này có 29 đồn điền của người Pháp, chiếm diện tích 2.650 ha.*

Số còn lại là đồn điền nhỏ của người Việt và người Hoa”⁹. Người Việt tại Nam Kỳ tham gia sở hữu lớn về diện tích đồn điền phải kể đến những nhân vật tiêu biểu như quan tòa Đỗ Hữu Tri, nhà kinh doanh công nghiệp Trương Văn Bền, và các ông Lê Phát Tân, quan phủ Võ Hà Thanh, Đốc phủ sứ Đoàn Hữu Tùng, chủ sở kho bạc Thủ Dầu Một- Nguyễn Văn Yên. Thành phần xuất thân của đồn chủ rất đa dạng trong đó có nhà thầu khoán, thương nhân, viên chức, ngân hàng, cựu binh. Sự đa dạng về nghề nghiệp của các đồn chủ cho thấy: *thứ nhất*, đây là khu vực có điều kiện thuận lợi để xin cấp nhượng nên nhiều đồn chủ ở các lĩnh vực khác nhau xin cấp nhượng. “*Tại Bà Rịa chính quyền Pháp từ năm 1925 cho khoanh một khu đất 2.000ha, chia thành các lô nhỏ bán theo giá thỏa thuận và chỉ được trồng cao su theo đơn (...)* Tính đến ngày 26/8/1927 có 448 đơn xin và 274 đơn được chấp nhận. Số đơn này vẫn tiếp tục gửi đến... Tính đến ngày 1/1/1928 các cựu binh đã chiếm 5 288 ha trong đó có 2/987 ha nằm ngoài các lô”¹⁰. *Thứ hai*, sự đa dạng đó sẽ đưa đến hướng khai thác cũng có thể đa dạng ở trên các đồn điền trong vùng. *Thứ ba*, cho thấy tính chất thực dân ở khu vực đồn điền. Những đồn chủ chính là những nhân viên cai trị, kiểm soát kinh tế. Họ sử dụng vị trí, ảnh hưởng của mình, từ nguồn tiền có được do thực hiện buôn bán bất bình đẳng với người bản xứ để đầu tư, chiếm đoạt ruộng đất của chính người bản xứ. Chủ đồn điền vừa có thế lực về chính trị, vừa có thế lực về kinh tế nên họ ra sức lũng đoạn kinh tế, xã hội. *Thứ tư*, thành phần đồn chủ sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất trong đồn điền. Sự phát triển của kinh tế đồn điền tác động khá lớn đến những biến đổi xã hội tại Nam Kỳ. Đồn điền làm thay đổi hoàn

⁷ Tạ Thị Thủy (1996), tr.11.

⁸ Brenier (1914), tr.56.

⁹ Như chú thích số 01, tr.45.

¹⁰ Như chú thích số 01, tr.45.

toàn bộ mặt xã hội của địa phương, tác động sâu sắc đến đời sống cư dân bản địa, làm nảy sinh nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, phá vỡ kết cấu xã hội truyền thống của cư dân bản địa. Trong xã hội thời kỳ này ngoài các giai tầng cũ, sự ra đời của các đồn điền làm xuất hiện một bộ phận tầng lớp xã hội mới: chủ đồn điền. Với nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, một bộ phận người Việt là chủ sở hữu diện tích đáng kể đồn điền, họ đầu tư, khai thác, kinh doanh, cạnh tranh trực tiếp với chủ đồn điền là người Pháp, người Hoa.

6. Địa chủ nông nghiệp giàu có

Trước khi thực dân Pháp xâm lược thì “*Nam bộ cho đến thế kỷ XVIII đã tồn tại những chế độ sở hữu ruộng đất khác nhau với những tỷ lệ khác nhau. Đặc điểm nổi bật của chế độ sở hữu ruộng đất ở Nam Bộ là sở hữu ruộng đất công điền công thổ chưa xuất hiện, bên cạnh đó sở hữu của địa chủ đã phát triển và ngày càng chiếm ưu thế*”¹¹. Khi thực dân Pháp đô hộ, ruộng đất tập trung trong tay địa chủ ngày càng lớn nhờ vào cướp đoạt của nông dân. Mặt khác, để phục vụ cho chính sách xuất khẩu nhất là mặt hàng nông sản, thực dân Pháp còn cho không hoặc bán rẻ những khu đất hoang cho tay sai, quan lại, công chức giàu có, biến những lục lượm này thành địa chủ. Ngày 28/9/1897, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định mở rộng diện áp dụng quyền sở hữu cá nhân ruộng đất ở Việt Nam. Với chính sách mới, quyền sở hữu tư nhân được pháp lý thừa nhận, mở đường cho tư nhân ruộng đất phát triển mạnh và sự chiếm đoạt ruộng đất của thực dân Pháp tăng lên không ngừng. Đối tượng sở hữu ruộng đất ngoài những điền chủ người Pháp thì người Việt cũng chiếm một tỉ lệ nhất định “*Ở các tỉnh Rạch Giá,*

Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cần Thơ... thuộc miền Hậu Giang... có nhiều đại địa chủ Nam Bộ đã chiếm tới 10.000 đến 20.000 ha ruộng đất...”¹². Nông nghiệp là ngành kinh tế thế mạnh của Nam Kỳ, khi yếu tố hàng hóa xâm nhập vào thì quan hệ và hình thức sản xuất theo lối truyền thống bắt buộc phải thay đổi. Tầng lớp địa chủ ý thức phải tăng và khai thác một cách có hiệu quả hơn tư liệu sản xuất mà họ sở hữu, việc cho thuê đất sản xuất không đơn thuần là phát canh thu tô bằng hiện vật mà cần thiết phải chuyển sang hình thức thu mới - tô tiền. Việc thu tô tiền làm cho địa chủ tăng tích lũy giá trị tài sản và khi kinh tế hàng hóa phát triển, họ dùng tô tiền đầu tư, kinh doanh như một nhà tư bản thật sự. Trong chương trình khai thác thuộc địa lần nhất (1897 - 1914), địa chủ là người Việt tại Nam Kỳ dần chiếm một vị trí nhất định, khi có điều kiện họ tham gia vào tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, tuy nhiên mục đích, mức độ tham gia là khác nhau trong chính thành phần hữu sản này, nguyên nhân xuất phát từ thái độ hợp tác của họ đối với chính quyền thực dân. Những địa chủ nổi lên cùng với quá trình khai thác thuộc địa “*như Trần Trinh Trạch ở Bạc Liêu với 17.000 ha, Huỳnh Thiện Lộc ở Rạch Giá có 12.000 ha, Hội đồng Hồng ở Chợ Lớn có 11.000 ha... và đến sau những năm 1920 có Trương Văn Bền với 18 000 ha, Trương Đại Danh với 8.000 ha, Bùi Quang Chiêu với 15.000 ha*”¹³ đều thành công nhờ tranh thủ chính sách ruộng đất của thực dân Pháp. Những địa chủ Nam Kỳ tổ chức thuê mướn nhân công lao động trên những đồn điền bạc ngàn. Theo báo Nông cò mìn đàm (tên tiếng Pháp: *Causeries sur l'agriculture et le commerce*), số ra ngày 29/8/1901 ghi nhận ở Nam Kỳ có “*những điền chủ chuyên thuê mướn nhân công để cày cấy, giá công nhật ở nông*

¹¹ Trần Thị Thu Lương (2006), tr.26.

¹² Lê Duẩn (1962), tr.42.

¹³ Henry (1932), tr.193.

thôn là 0,3 đồng, tính ra lúa lúc đó vào khoảng 6 kg lúa". Bên cạnh đó, còn có tư sản là địa chủ nhưng có chức vị trong bộ máy chính quyền thực dân như Lê Quang Chiêu - cai tổng ở Phong Điền (Cần Thơ). Như vậy, "với một nền kinh tế phát triển nhất trong toàn xứ Đông Dương, ở Nam Kỳ đã hình thành nên một tầng lớp xã hội "bên trên" mới (...). Những đại điền chủ Nam Kỳ dù không nắm vị quyền nhưng có uy quyền rất lớn. Mức sống và danh tiếng của họ còn trên cả quan tuần, quan phủ. Đại điền chủ Nam Kỳ có lối sống khá gần gũi với tầng lớp tư sản ở đô thị. Điều này ít thấy ở xứ Trung và Bắc Kỳ"¹⁴.

Kết luận

Trước khi là một giai cấp chính thức, tư sản người Việt ở Nam Kỳ trải qua quá trình tích lũy tư bản với những hình thức và mức độ khác nhau. Những người dùng những biện pháp trao đổi bất bình đẳng về giá cả giữa họ với người tiêu dùng, giữa họ với người sản xuất nhỏ lẻ, cho vay lấy lãi, đầu cơ tích trữ trở thành giàu có. Sự xâm nhập của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa vào Nam Kỳ làm xuất hiện thêm các giai tầng mới hoặc chuyển đổi thân phận của tầng lớp cũ để tham gia vào guồng máy sản xuất theo hướng tư bản như thầu khoán, sĩ phu, quan lại, điền chủ, dù mục đích tham gia kinh doanh khác nhau nhưng họ đã góp phần quan trọng trong định hình kinh tế - xã hội Nam Kỳ trước năm 1930.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Ánh (2017), *Văn hóa kinh doanh của doanh nhân Việt Nam đầu thế kỷ XX*, Luận án tiến sĩ Văn hóa học, Học viện hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.
2. Nguyễn Công Bình (1959), *Tìm hiểu giai cấp tư sản Việt Nam thời Pháp thuộc*, Nxb. Văn - Sử - Địa, Hà Nội.
3. Brenier (1914), *Essai d'Atlas Statistiques de L'Indochine Francaise*, I.D.E.O. Hanoi.
4. Lê Duẩn (1962), *Giai cấp vô sản với vấn đề nông dân trong cách mạng Việt Nam*, Hà Nội.
5. Henry (1932), *Economic agricole de l'Indochine (Kinh tế nông nghiệp Đông Dương)*, bản dịch Hoàng Đình Bình, Hà Nội.
6. Hội KHLN Việt Nam (2011), *Quá trình hình thành và phát triển vùng đất Nam Bộ*, Báo cáo tổng quan kết quả nghiên cứu đề án Khoa học xã hội cấp Nhà nước.
7. Trần Thị Thu Lương (2006), *Chế độ sở hữu ruộng đất ở Nam Bộ từ thế kỷ XVII đến nửa đầu thế kỷ XIX*, *Tạp chí Phát triển Khoa học và công nghệ*, Tập 9 (số 3), tr.21-30.
8. Nguyễn Đình Tư (2016), *Chế độ thực dân Pháp trên đất Nam Kỳ (1859 – 1954)*, Tập 2, Nxb. Tổng hợp Tp.HCM.
9. Tạ Thị Thúy (1996), *Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918*, Nxb.Thế Giới.
10. Trần Mai Ước (2013), *Từ tương tượng "khai dân trí" của Phan Châu Trinh suy nghĩ về đổi mới giáo dục ở nước ta hiện nay*, *Tạp chí KHDHSP Tp.HCM*, số 42, tr.112 – 119.

¹⁴ Hội KHLN Việt Nam (2011), tr.493.